

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 6 - 2020

V/v ly hôn giữa chị T và anh D

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/DS/ST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Lê T, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Mai Ngọc D, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị Lê T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Ngọc D kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào tháng 05 năm 2019. Trong thời gian tìm hiểu chị và anh D đã có với nhau 01 con chung, sau đó

gia đình anh không nhận nên chị đã đặt tên con mang họ chị, chị và anh D đã cùng nhau đưa con đi xét nghiệm ADN thì có kết quả đúng là con của vợ chồng nên gia đình đồng ý cho chị và anh D đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn là phát sinh mâu thuẫn, do tính cách và quan điểm sống không hòa hợp, dẫn đến mâu thuẫn cãi vã nhau thường xuyên. Tháng 7/2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, cũng từ đó vợ chồng không gặp nhau lần nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Ngọc D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 09 năm 2017 hiện đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản, công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông Mai Văn D là bố đẻ anh Mai Ngọc D trình bày:

Trước khi anh D chị T kết hôn thì anh chị đã có với nhau 01 con chung, nên gia đình đã đồng ý cho anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào tháng 05 năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 2 tháng thì đã xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, chị T bỏ về mẹ đẻ từ đó cho đến nay. Việc chị T có đơn xin ly hôn, anh D đã biết nhưng do hiện nay anh D bận công việc nên không đến Tòa án được, anh D có nói lại với ông là vợ chồng cũng đã mâu thuẫn và sống ly thân, về con anh D khẳng định đó là con chung của vợ chồng đã được xét nghiệm ADN, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh D và T có 01 con chung là Vũ Mỹ D hiện đang ở với chị T.

Về tài sản: Vợ chồng anh D, chị T không có tài sản gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đã nhiều lần Tòa án triệu tập nhưng bị đơn vẫn không có mặt, thể hiện ý thức thiếu tôn trọng pháp luật, vi phạm các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về Nội dung: Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh D đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung; Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao chị Vũ Thị Lê T được quyền nuôi dưỡng con chung là Vũ Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 09 năm 2017, anh D có quyền

thăm nom con chung sau ly hôn. Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Mai Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Mai Ngọc D.

[2] Về nội dung: Chị Vũ Thị Lê T và anh Mai Ngọc D kết hôn với nhau vào tháng 05 năm 2019, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình vợ chồng chung sống luôn xảy ra bất hòa, cãi nhau thường xuyên, tháng 7/2019 chị T về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay. Nay chị T đề nghị xin được ly hôn với anh D.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị Lê T và anh Mai Ngọc D đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Lê T là phù hợp.

[3] Về con chung: Căn cứ vào kết quả xét nghiệm ADN ngày 30/05/2019, của Công ty TNHH dịch vụ khoa học kỹ thuật GENPRO đã kết luận cháu Vũ Mỹ D và anh Mai Ngọc D có quan hệ huyết thống cha con. HĐXX xác định chị Vũ Thị Lê T và anh Mai Ngọc D có 01 con chung là Vũ Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 09 năm 2017 hiện đang ở với chị T, anh D vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Mỹ D. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Vũ Thị Lê T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị Lê T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Lê T và anh Mai Ngọc D.

2. Con chung: Giao chị Vũ Thị Lê T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Vũ Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 09 năm 2017. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Mai Ngọc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Vũ Thị Lê T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số BB/2012/05129 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày; Chị Vũ Thị Lê T có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án, anh Mai Ngọc D vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- UBND TT C, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu